

Số: 1728/QĐ-UBND

Quảng Trách, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch kỳ kiểm tra, sát hạch đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức xã năm 2018, huyện Quảng Trách;

Theo Báo cáo số 72/BC-HĐKTSH ngày 07/8/2018 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch về việc Báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch kỳ kiểm tra, sát hạch tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển huyện Quảng Trách năm 2018, gồm 17 thí sinh. (có danh sách kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

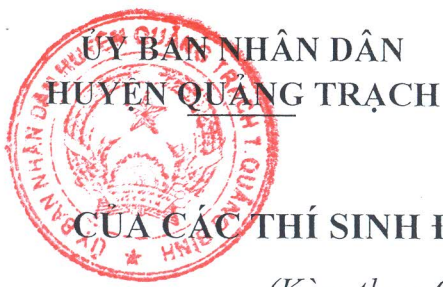
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ; (để B/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đạt



**DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
CỦA CÁC THÍ SINH ĐĂNG KÝ ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của UBND huyện Quang Trạch)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh, vị trí đăng ký tuyển dụng		Mã số dự tuyển	Chứng chỉ		Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ (thang điểm 10)	Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ (thang điểm 100)	Điểm phỏng vấn sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch	Đôi tượng ưu tiên	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
							Chức danh	Đơn vị		Tiếng Anh	Tin học	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	01	Võ Văn Thanh	23/04/1994	Quảng Đông, Quảng Trạch	CN	Luật HC	Văn phòng - Thống kê (phụ trách lĩnh vực VP)	UBND xã Quảng Trạch	VPQT-16	B	B					8.18	81.8	93.43		338.829		X	
2	02	Đình Thị Đăng Hồng	01/02/1995	A Lưới, TT Huế	ĐH	Xã hội học				B	Cơ bản	9.64	96.4	9.5	95			47.71		335.514			
3	03	Hoàng Thị Mai Huyền	15/02/1986	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Thạc sĩ	Xã hội học	Văn hóa - Xã hội (phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và XH)	UBND xã Quảng Trạch	VHQT-15	B	B					7.72	77.2	88.29	20	339.886	Con TB	X	
4	04	Hồ Thị Nhân	04/06/1988	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	Thạc sĩ	Công tác XH				B	B					8.4	84			252			Không tham gia sát hạch
5	05	Trương Thị Ngọc Ánh	25/08/1991	Quảng Sơn, Ba Đồn	ĐH	Công tác XH				B	B					8.25	82.5	13.71		261.214			
6	06	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	18/08/1995	Quảng Thạch, Quảng Trạch	CN	Công tác XH	Văn hóa - Xã hội (phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và XH)	UBND xã Quảng Thạch	VHQT-17	B1	Cơ bản					7.90	79	84.29		321.286		X	
7	07	Hoàng Thị Thê	18/06/1988	Quảng Phú, Quảng Trạch	CN	Công tác XH				B	B					8.23	82.3	00	20	266.9	Con TB		



TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh, vị trí đăng ký tuyển dụng		Mã số dự tuyển	Chứng chỉ		Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ (thang điểm 10)	Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ (thang điểm 100)	Điểm phỏng vấn sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch	Điểm trọng ưu tiên	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú	
							Chức danh	Đơn vị		Tiếng Anh	Tin học	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
8	08	Cao Thế Cảnh	23/09/1988	Quy Đạt, Minh Hóa	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	ĐC-XD-NN-MT (phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp)	UBND xã Quảng Phương	NNQP-14	B1	B					8.44	84.4	46.86	10	310.057	Đội viên trí thức trẻ			
9	09	Trần Anh Đức	06/10/1991	Quảng Sơn, Ba Đồn	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng						B1	Cơ bản					8.12	81.2	37.71	20	301.314	Con TB	
10	010	Phạm Thị Yến Hoa	03/12/1994	Mai Hóa, Tuyên Hòa	ĐH	Thủ y						NLNN 6 bậc	B					8.62	86.2	0.00		258.6		
11	011	Phan Thị Hà Trang	11/09/1993	Quảng Phương, Quảng Trạch	Kỹ sư	PTNT						B	B					8.20	82	91.86		337.857		X
12	012	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/01/1993	Quảng Phong, Ba Đồn	Kỹ sư	PTNT						C	B					8.11	81.1	40.86		284.157		
13	013	Hoàng Thị Minh Khuê	09/08/1996	Quảng Thọ, Ba Đồn	CN	Luật	Văn phòng - Thống kê (phụ trách lĩnh vực VP)	UBND xã Quảng Lưu	VPQL-13	B1	B					7.99	79.9	90.71		330.414		X		
14	014	Nguyễn Thị Ánh	10/10/1995	Quảng Thạch, Quảng Trạch	CN	Luật	Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Quảng Lưu	TPQL-12	NLNN 6 bậc	B					8.24	82.4			247.2		Không tham gia sát hạch		
15	015	Đình Thị Diễm Hương	24/04/1994	Yên Hóa, Minh Hóa	CN	Luật						B	B					8.24	82.4	59.14		306.343		
16	016	Trương Thanh Thanh	10/10/1996	Quảng Thuận, Ba Đồn	CN	Luật kinh tế						NLNN 6 bậc	Cơ bản					7.98	79.8	84.71		324.114		X
17	017	Lê Thị Quỳnh Trang	26/10/1996	Quảng Hưng, Quảng Trạch	ĐH	Luật						B	B					8.15	81.5			244.5		Không tham gia sát hạch